

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 41 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2019

*Về việc tranh chấp hôn nhân và gia
đình giữa chị A và anh S*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiến
2. Bà Phạm Hồng Thiêm

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc A sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Trương Tiến S sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Trần Ngọc Anh trình bày:

Chị và anh Trương Tiến S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/8/2015 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng gia đình bố mẹ chồng, thời gian sống chung luôn xảy ra mâu thuẫn, anh hay đánh chửi chị, chị thấy cuộc sống không còn hòa hợp, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh, chị xin ly hôn anh.

Chị và anh S có 1 con chung là Trương Quốc T, sinh ngày 25/12/2017 Ly hôn chị nhận nuôi con Trọng và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2019, bà Phạm Thị N là mẹ đẻ anh S trình bày:

Về mâu thuẫn vợ chồng chị A và anh S do tính tình không hợp, khi mâu thuẫn xảy ra hai bên nội ngoại đều đã khuyên giải để đoàn tụ, anh S làm sơn tường nên

không có điều kiện đến Tòa án làm việc, anh S đã nhận được các bản của Tòa án nay chị Anh xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh S.

Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2019 UBND xã H cung cấp: Anh S có hộ khẩu thường trú tại xã H, anh chị đều sống chung cùng bố mẹ chồng là ông Trương Văn Q và bà Phạm Thị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, xử cho chị A được ly hôn với anh S. Chấp nhận đề nghị của chị A giao con chung là Trương Quốc T sinh ngày 25/12/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh S có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy chị A xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bà N cũng thừa nhận mâu thuẫn của anh chị đúng như chị A trình bày. Theo bà hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị A vẫn xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án xét xử đơn phương vắng mặt anh S. Quá trình tố tụng anh S đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành theo quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, cho thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng có đủ căn cứ để xác định mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài vì vậy căn cứ Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị A được ly hôn anh S

[3] Về con chung: Xét yêu cầu giải quyết về con chung của hai bên đương sự thì thấy đến thời điểm xét xử cháu T mới 01 năm 9 tháng 4 ngày, căn cứ theo điều 36 Luật hôn nhân gia đình con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Do nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hai bên đương sự có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết. Anh S có yêu cầu giải quyết về tài sản sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điều 51, điều 56, điều 81, điều 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Ngọc A được ly hôn anh Trương Tiến S

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trương Quốc T sinh ngày 25/12/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Hai bên đương sự có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết. Anh S có yêu cầu giải quyết về tài sản sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị A đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001867 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy S thi hành án

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, vắng mặt các đương sự báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng